

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK R'LẤP
TỈNH ĐẮK NÔNG**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 36/2019/HS-ST
Ngày 17 - 6 - 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK R'LẤP, TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Ứng

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Xuân Thù

2. Bà Hoàng Thị Hiền

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Vân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đắc R'lấp, tỉnh Đắc Nông.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đắc R'Lấp tham gia phiên tòa: Ông Phạm Huy Tiền - Kiểm Sát viên.

Ngày 17 tháng 6 năm 2019 tại phòng xét xử, Tòa án nhân dân huyện Đắc R'Lấp, tỉnh Đắc Nông mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 20/2019/HSST ngày 18 tháng 3 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2019/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 4 năm 2019 đối với bị cáo:

Nguyễn Đức T, sinh năm 1996 tại tỉnh Đắc Nông; Nơi cư trú: Thôn A, xã B, huyện C, tỉnh Đắc Nông; nghề nghiệp: Không có nghề nghiệp ổn định; trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Đ (đã chết), con bà Võ Thị Kiều O (đã chết); Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam từ ngày 12/01/2019 đến nay – *Có mặt tại phiên tòa.*

Bị hại: Anh Đỗ Thành V, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Thôn D, xã B, huyện C, tỉnh Đắc Nông – *Vắng mặt.*

Người làm chứng:

- Anh Phạm Văn T1, sinh năm 1998 – *Vắng mặt.*

Địa chỉ: Thôn D, xã B, huyện C, tỉnh Đắc Nông.

- Anh Lê Văn L, sinh năm 1995 – *Vắng mặt.*

Địa chỉ: Thôn 02, xã E, huyện F, tỉnh Đắc Nông.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phạm Văn T1 và ông Đỗ Thành V cùng sinh sống tại thôn D, xã B, huyện C nên T1 biết việc ngày 04/7/2017 gia đình ông V bị mất trộm xe mô tô hiệu Yamaha loại Exciter biển kiểm soát 48B1-110.23. T1 biết ông V muốn tìm lại xe nên nảy sinh ý định lừa dối ông V để lấy tiền tiêu xài.

Khoảng 20 giờ ngày 10/7/2017, trong khi ngồi nhậu với Lê Văn L (trú tại thôn 2, xã E, huyện F, tỉnh Đắk Nông), Nguyễn Đ (trú tại thôn A, xã B, huyện C) cùng chị Lê Thị Thanh T2 tại thôn A, xã B, huyện C thì T1 mượn xe mô tô của L đi đến nhà ông V. T1 nói dối với ông V rằng có người quen của T1 ở tỉnh Bình Dương đang giữ xe của ông V, nếu ông V muốn lấy lại xe thì phải bỏ tiền ra chuộc. Sau đó T1 đi lại quán nhậu và nói với L, T về việc sẽ lừa ông V chuộc xe để lấy tiền. T1, L, T thống nhất T1 và L đi lại nhà ông V để thỏa thuận về việc chuộc xe, còn T ở lại quán nhậu để khi nào T1 đến nói chuyện với ông V sẽ gọi điện thoại cho T và T đóng giả là người đang giữ xe mô tô của ông V. Nếu ông V muốn chuộc xe thì T yêu cầu ông V phải bỏ ra số tiền 8.000.000 đồng. Sau đó T1 và L đi đến nhà ông V ngồi nhậu cùng ông V, trong lúc nhậu T1 tiếp tục đưa ra thông tin việc mình có người anh ở Bình Dương mới mua một xe mô tô giống với xe của ông V. Ông V lấy giấy đăng ký xe ra và nói T1 gọi cho anh của T1 đọc số máy, số khung xe mô tô xem có trùng khớp với giấy đăng ký xe của ông V không. Lợi dụng lúc ông V đi vào lấy thêm đồ để nhậu, T1 lấy điện thoại của L nhắn số máy, số khung trên giấy đăng ký xe của ông V cho T. Khi ông V quay trở ra ngồi nhậu tiếp thì T và T1 gọi điện thoại cho nhau. T1 mở loa ngoài của điện thoại và nói T đọc số máy, số khung xe mô tô thì T đọc lại theo nội dung mà T1 vừa nhắn tin. Ông V nghe thấy số máy, số khung xe mô tô T đọc trùng khớp với xe mô tô bị mất của mình nên nhờ T1 đi chuộc lại. Ông V hỏi T1 chuộc xe hết bao nhiêu tiền thì T1 nói mai sẽ nói lại. Sau đó T1 quay lại quán đón T và T2 đến nhà ông V tiếp tục nhậu.

Đến khoảng 11 giờ ngày 11/7/2017, T1 và L hẹn gặp ông V tại quán cà phê Bonsai ở thôn D, xã B, huyện C để bàn bạc, thống nhất việc đi chuộc xe. T1 nói với ông V tiền chuộc xe hết 8.000.000 đồng. Ông V đồng ý và xin đi chuộc xe cùng thì T1 nói để T1 và L đi vì nhìn ông V giống cảnh sát hình sự, đi sẽ bị lộ nên ông V không nói gì thêm. Sau đó ông V đi về nhà chuẩn bị tiền còn T1 và L gọi T và T2 ra xã B nhậu với nhau. Đến khoảng 13 giờ cùng ngày, L mượn xe mô tô biển kiểm soát 48H1-125.96 của anh Ngọc Văn L1 chở T1 đến nhà ông V. T1 nói ông V đưa tiền để T1 đi chuộc xe thì ông V đưa cho T1 giấy đăng ký của xe mô tô bị mất, số tiền 1.000.000 đồng cùng 01 thẻ ATM của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn mang tên Trần Văn C1 bên trong có 8.218.366 đồng để T1 đi rút tiền chuộc xe

(thẻ ATM này ông V mượn của ông C1). Ông V nói khi nào rút tiền để chuộc xe thì ông V sẽ đọc mật khẩu thẻ cho T1. T1 và L quay lại quán nhậu, T1 đưa cho T 600.000 đồng và nói đây là tiền lấy của ông V. T1 đưa cho T2 200.000 đồng nhưng không nói cho T2 biết tiền ở đâu mà có. Số tiền 200.000 đồng còn lại T1 và L giữ lại để đổ xăng xe mô tô để đi lại. Đến khoảng 13 giờ 30 phút cùng ngày, T1 điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 48H1-125.96 chở L đến thị trấn G, huyện H, tỉnh Bình Phước và đi vào một cây rút tiền tự động (cây ATM). T1 gọi điện nói ông V cung cấp mật khẩu thẻ và rút số tiền 8.000.000 đồng trong thẻ ATM mà ông V đưa cho T1. T1 và L tiêu xài hết số tiền trên và có cho T thêm số tiền 350.000 đồng. Tổng số tiền các bị cáo chiếm đoạt của ông V là 9.000.000 đồng.

Ông V do chờ lâu không thấy T1 và L đem xe về cho mình và gọi điện không liên lạc được nên đã làm đơn tố giác gửi Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đăk R'lấp.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đăk R'lấp, T1 và L đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu ở trên và đã bị Tòa án nhân dân huyện Đăk R'lấp đưa ra xét xử ngày 28/11/2017.

Đối với Nguyễn Đức T, sau khi phạm tội đã bỏ trốn khỏi địa phương và bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đăk R'lấp ra Quyết định truy nã. Đến ngày 12/01/2019, T bị bắt theo quyết định truy nã. Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đăk R'lấp, Nguyễn Đức T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Đối với các tài liệu, đồ vật liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đăk R'lấp thu giữ và giải quyết khi xử lý đối với vụ án xét xử T và L nên không đề cập giải quyết.

Tại Cáo trạng số: 16/CTr – VKS - ĐL ngày 18 tháng 3 năm 2019 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk R'Lấp quyết định truy tố bị cáo Nguyễn Đức T về tội: “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” quy định tại khoản 1 Điều 139 của Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đăk R'Lấp vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo. Sau khi phân tích các chứng cứ buộc tội, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử Áp dụng khoản 1 Điều 139; điểm h, p khoản 1 Điều 46, Điều 38 của Bộ luật hình sự tuyên bố bị cáo Nguyễn Đức T phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”. Xử phạt Nguyễn Đức T từ 06 tháng đến 9 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 12 - 01- 2019.

Về vật chứng vụ án: Đã xử lý trong vụ án trước nên không đề cập xử lý.

Về trách nhiệm dân sự: Đã giải quyết trong vụ án trước nên không đề cập.

Tại phiên tòa bị cáo không bào chữa gì về hành vi phạm tội của mình mà chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án nhẹ nhất để sớm trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra công an huyện Đắk R'Lấp, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk R'Lấp, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Nguyễn Đức T khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã công bố. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp lời khai của bị hại, người làm chứng, phù hợp với tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, thể hiện: Vào các ngày 10 và 11 tháng 7 năm 2017, tại thôn D, xã B, huyện C, Nguyễn Đức T cùng Phạm Văn T1, Lê Văn L do biết anh Đỗ Thành V bị mất chiếc xe mô tô hiệu Yamaha loại Exciter biển kiểm soát 48B1-110.23 nên đã dùng thủ đoạn gian dối bằng cách T1 giao nhiệm vụ cho T tự nhận là người ở Bình Dương đang giữ chiếc xe này và yêu cầu số tiền chuộc xe là 8.000.000 đồng. Sau khi nghe điện thoại gặp T, anh V tin là thật nên đã chấp nhận giao cho T1 và L số tiền 9.000.000 đồng nhờ đi Bình Dương chuộc xe. Sau khi nhận được tiền các bị cáo đã chiếm đoạt số tiền này và chia nhau tiêu sài cá nhân, bị cáo T được chia số tiền 950.000 đồng.

Do vậy có đủ căn cứ để kết luận hành vi của bị cáo Nguyễn Đức T đã phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009 có khung hình phạt đến 03 năm như quyết định truy tố của Viện kiểm sát là có căn cứ đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Trong vụ án này bị cáo T cùng với T1, L thực hiện hành vi phạm tội có tính chất đồng phạm nhưng là đồng phạm giản đơn. Do vậy cần phân hóa tính chất mức độ của từng hành vi của đồng phạm để lượng hình cho phù hợp. Xét thấy bị cáo T giữ vai trò là người giúp sức cho T1 và L thực hiện trót lọt hành vi chiếm đoạt tài sản của anh V và T chỉ được chia số tiền là 950.000 đồng nên bị cáo T có mức hình phạt thấp hơn T1 và L (riêng T1 và L đã xét xử xong nên không đề cập).

[2]. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với bị cáo:

Xét thấy trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[3]. *Về trách nhiệm dân sự*: Đã được giải quyết nên không đề cập.

[4]. *Về vật chứng vụ án*: Đã xử lý nên không đề cập.

[5]. *Về án phí*: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 139 của Bộ luật Hình sự năm 1999; điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Đức T phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”. Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức T 09 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam, ngày 12 - 01- 2019.

2. Về án phí: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Nguyễn Đức T phải nộp 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (*Mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Đắk R’Lấp;
- Công an huyện Đắk R’Lấp;
- CC. THADS huyện Đắk R’Lấp;
- Sở tư pháp tỉnh Đắk Nông;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu HS; VP

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Anh Ứng